

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

MÔN ĐỊA LÍ 9

BÀI 9:SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

I. LÂM NGHIỆP

1. Tài nguyên rừng

- Là nước giàu tài nguyên rừng
- Rừng chia làm 3 loại:
 - + Rừng phòng hộ: rừng đầu nguồn, rừng chắn cát, rừng ngập mặn ven biển.
 - + Rừng đặc dụng: các khu bảo tồn, vườn quốc gia
 - + Rừng sản xuất: cung cấp gỗ cho CN.

2. Sự phát triển và phân bố lâm nghiệp

- Cơ cấu ngành lâm nghiệp bao gồm: Khai thác chế biến gỗ, trồng rừng, bảo vệ rừng
- Mô hình nông lâm kết hợp đang được phát triển
- Những tỉnh có diện tích rừng trên 60%: tập trung ở Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ.

Tây Bắc, vùng đồng bằng tỉ lệ rừng thấp.

II. NGÀNH THỦY SẢN

1.Nguồn lợi thủy sản:

a. Thuận lợi:

- Khai thác:
 - + Các vùng biển có nhiều bãi tôm, bãi cá với 4 ngư trường trọng điểm: Hải Phòng – Quảng Ninh, Hoàng sa-Trường Sa, Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa Vũng Tàu, Cà Mau – Kiên Giang.
 - + Mạng lưới sông ngòi, ao hồ dày đặc
 - Nuôi trồng: Nhiều diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản nước mặn,nước ngọt, nước lợ.

b. Khó khăn:

- Hay bị thiên tai, môi trường bị suy thoái.
- Vốn ít...

2.Sự phát triển và phân bố ngành thủy sản:

- Sản lượng khai thác và nuôi trồng tăng khá nhanh,đặc biệt là khai thác
- Phân bố chủ yếu ở duyên hải NTB và NB
- Các tỉnh dẫn đầu về khai thác: Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Thuận; về nuôi trồng: Cà Mau, An Giang, Bến tre.

- Nuôi trồng thủy sản; Phát triển nhanh. Đặc biệt là nuôi tôm, cá
- Xuất khẩu thủy sản đã có những bước phát triển vượt bậc.

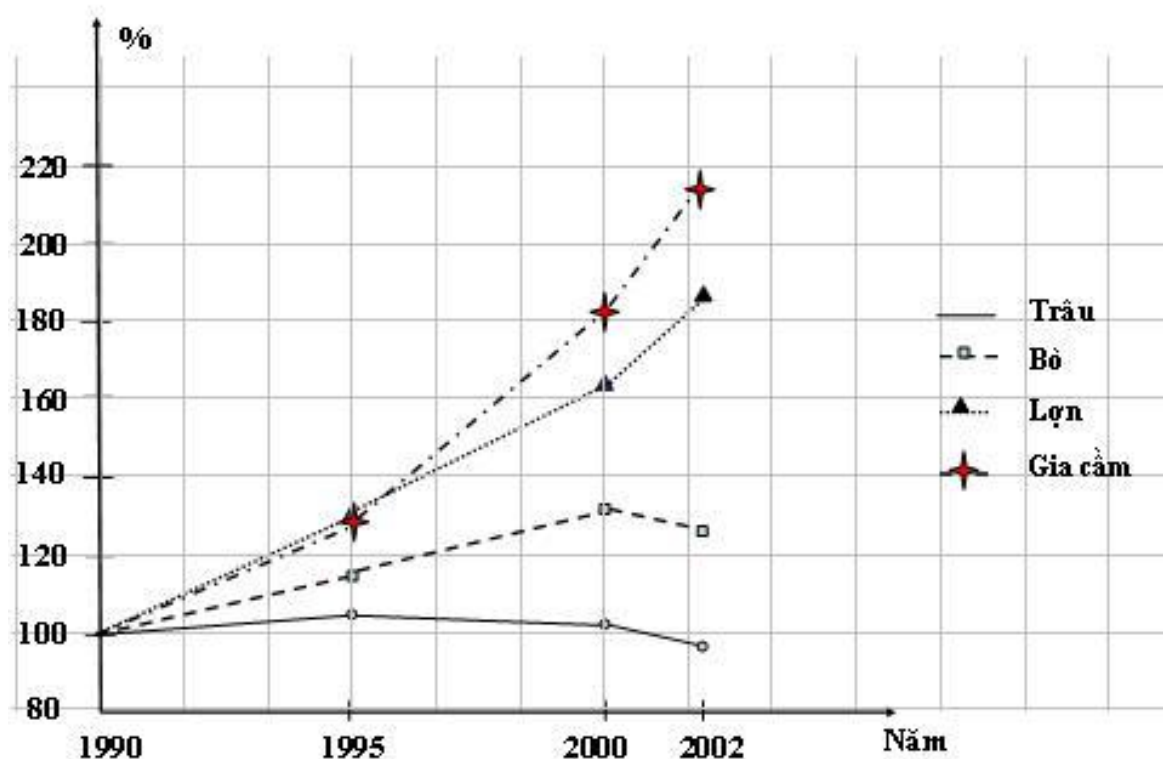
BÀI 10. THỰC HÀNH

VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO CÁC LOẠI CÂY, SỰ TĂNG TRƯỞNG ĐÀN GIA SÚC GIA CẦM

Bài 1. Học sinh tự làm

Bài 2.

a. Vẽ biểu đồ



Biểu đồ thể hiện chỉ số tăng trưởng đàn gia súc, gia cầm từ năm 1990 đến 2002

b. Nhận xét

- Đàn lợn và gia cầm tăng nhanh nhất: Đây là nguồn cung cấp thực phẩm chủ yếu đảm bảo cho nhu cầu thực phẩm tăng nhanh. Nhờ giải quyết tốt nguồn thức ăn cho chăn nuôi, có nhiều hình thức chăn nuôi đa dạng
- Đàn trâu không tăng chủ yếu do kết quả cơ giới hóa nông nghiệp, nhu cầu về sức kéo giảm

CHUYÊN ĐỀ: NGÀNH CÔNG NGHIỆP

NỘI DUNG 1. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

I. Các nhân tố tự nhiên

- Tài nguyên thiên nhiên nước ta đa dạng tạo cơ sở nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng để phát triển cơ cấu công nghiệp đa ngành.
- Các tài nguyên có trữ lượng lớn là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
- Sự phân bố các loại tài nguyên khác nhau tạo ra các thế mạnh khác nhau của từng vùng.

II. Các nhân tố kinh tế – xã hội

1. Dân cư và lao động

- Nước ta có số dân đông, nhu cầu, thị hiếu có nhiều thay đổi.
- Nguồn lao động dồi dào và có khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật và thu hút đầu tư nước ngoài.

2. Cơ sở vật chất- kĩ thuật trong công nghiệp và cơ sở hạ tầng.

- Nhiều trình độ công nghệ chưa đồng bộ. Phân bố tập trung ở một số vùng.
- Cơ sở hạ tầng đang từng bước được cải thiện.

3. Chính sách phát triển công nghiệp

- Chính sách công nghiệp hoá và đầu tư. Chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần và các chính sách khác.

4. Thị trường

- Ngày càng mở rộng và đang cạnh tranh quyết liệt.

NỘI DUNG 2: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

I. Cơ cấu ngành công nghiệp

1. Cơ cấu

- Công nghiệp nước ta hiện nay gồm các cơ sở nhà nước, ngoài nhà nước và các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài
- Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng, đủ các lĩnh vực.
- Đã được hình thành một số ngành công nghiệp trọng điểm.

2. Ngành công nghiệp xanh

- **Khái niệm:** là những ngành công nghiệp thân thiện với môi trường, sử dụng công nghệ tiên tiến để giảm thiểu và kiểm soát tình trạng ô nhiễm; sản xuất ra các sản phẩm không gây hại môi trường, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững.

- **Vì sao cần phát triển công nghiệp xanh:**

+Tiết kiệm năng lượng.

+Tăng hiệu quả sản xuất nhờ cải tiến công nghệ.

+Hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

+Đảm bảo môi trường phát triển cho thế hệ sau....

- **Mô hình công nghiệp xanh điển hình:** Khu công nghiệp quốc tế Protrade (PITP) tại Bình Dương.

II. Các ngành công nghiệp trọng điểm

1. Công nghiệp khai thác nhiên liệu

- Than: 15 - 20 triệu tấn/năm, chủ yếu Quảng Ninh.

- Dầu khí ở thềm lục địa phía Nam, khai thác hơn 100 triệu tấn dầu và hàng tỉ mét khối khí.

2. Công nghiệp điện

- Nhiệt điện than

- Nhiệt điện khí

- Thủy điện.

3. Một số ngành công nghiệp năng khác

(Giảm tải)

4. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm

- Chế biến sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Tập trung chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh, Hà Nội

5. Công nghiệp dệt may

- Là mặt hàng xuất khẩu quan trọng của nước ta.

- Tập trung ở TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nam Định...

III. Các trung tâm công nghiệp lớn

- Trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước là TP Hồ Chí Minh, Hà Nội

- CN đang phát triển mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa đất nước.

CHỦ ĐỀ: DỊCH VỤ
NỘI DUNG 1: VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CỦA
DỊCH VỤ

I. Cơ cấu và vai trò của dịch vụ trong nền kinh tế

1. Cơ cấu ngành dịch vụ

- Cơ cấu đa dạng gồm:
 - + Dịch vụ tiêu dùng
 - + Dịch vụ sản xuất
 - + Dịch vụ công cộng
- Dịch vụ là các hoạt động đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.
- Kinh tế càng phát triển dịch vụ càng đa dạng.

2. Vai trò của dịch vụ trong sản xuất và đời sống

- Thúc đẩy sản xuất phát triển
- Tạo ra mối liên hệ giữa các ngành, các vùng.
- Tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, tăng nguồn thu nhập cho ngân sách

II. Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành dịch vụ ở nước ta

1. Đặc điểm phát triển

- Phát triển khá nhanh, thu hút 25 % lao động, chiếm 38.5 % GDP.
- Cơ cấu ngành dịch vụ đa dạng.
- Chủ yếu là dịch vụ tiêu dùng 51 %, dịch vụ sản xuất chiếm tỉ trọng nhỏ 26.8 %
- Cần nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ.

2. Đặc điểm phân bố

- Ở đô thị lớn hơn nông thôn.
- Ở đồng bằng lớn hơn miền núi.
- Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất và đa dạng nhất nước ta.

NỘI DUNG 2: GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

I. Giao thông vận tải

1. Ý nghĩa

- Giao thông vận tải có vai trò đặc biệt trong mọi ngành kinh tế:
 - + Thúc đẩy sản xuất phát triển
 - + Thực hiện mối quan hệ trong nước và ngoài nước.

2. Giao thông vận tải ở nước ta đã phát triển đầy đủ các loại hình

- + Cơ cấu :Có đủ các loại hình vận tải.
- Đường bộ chở nhiều hàng hóa và hành khách nhất, đầu tư nhiều nhất.
- Đường sắt: Luôn được cải tiến (Thống Nhất)
- Đường sông mới khai thác mức độ còn thấp.
- Đường biển: vận tải biển quốc tế đang được đẩy mạnh.
- Đường hàng không đã và đang phát triển theo hướng hiện đại hóa
- Đường ống ngày càng phát triển.
- + Phân bố:
- Tỏa rộng khắp cả nước, phục vụ đắc lực cho sự phát triển kinh tế xã hội.
- + Chất lượng đang được nâng cao.

II. Bưu chính viễn thông(tự học)

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

ĐỀ KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN ĐỊA LÍ 9

Năm học 2020-2021

Họ và tên:.....Lớp:.....

Cho bảng số liệu: Diện tích và dân số nước ta năm 2018

Vùng	Diện tích(km ²)	Dân số (người)	Mật độ dân số(km ² /người)
Trung du và miền núi Bắc Bộ	92264,4	12.292700	
Đồng bằng sông Hồng	20068,1	21.566400	
Duyên hải miền Trung	95238,0	20.056900	
Tây Nguyên	54641,0	5.871000	
Đông Nam Bộ	23597,9	17.074300	
Đồng bằng sông Cửu Long	40548,2	17.804700	

1.(6đ) Tính mật độ dân số các vùng(*Ghi kết quả vào bảng trên*)

Hướng dẫn cách tính:

Mật độ dân số= dân số : diện tích

2. (3đ)Nhận xét mật độ dân số các vùng của nước ta năm 2018

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. (1đ) Giải thích tại sao dân cư nước ta tập trung chủ yếu ở các đồng bằng?

.....

.....

.....

.....